

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI LẠI

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTĐ (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học Xã hội học đại cương (202621-13)
CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10222054	ĐẶNG TRƯỜNG AN	1		5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10222061	NGUYỄN HOÀNG AN			V	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10222071	NGUYỄN HÙNG THIÊN			V	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10222004	NGUYỄN THÀNH CÁT			V	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10222009	NGUYỄN THU HÀ			V	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10222010	TRẦN THỊ LÊ HẠNG			V	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10222012	TRẦN THỊ THÁI HÒA			V	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10222015	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG			V	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10222021	NGUYỄN THỊ MAI			V	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10222022	PHẠM ĐỨC MẠNH			V	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10222063	LÊ THỊ THUY MINH	1		8	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10222030	NGUYỄN THỊ OANH			V	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10222032	PHẠM VĂN PHÚC			V	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10222035	PHẠM TRÚC PHƯƠNG			V	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10222036	TRẦN HUY PHƯƠNG			V	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10222039	NGUYỄN THANH THẢO			V	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10222041	NGUYỄN VĂN THẮNG			V	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10222059	PHẠM THỊ THÚY TRANG			V	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10222045	NGUYỄN HỒ NGỌC TRÂM	1		5	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10222046	TRẦN THỊ BẢO TRẦN			V	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10222056	TRẦN MINH TRUNG	1		5	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10222060	LƯƠNG HỮU TÚ			V	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10222050	HOÀNG MAI VĂN			V	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10222052	NGUYỄN ĐẠI VŨ			V	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10222053	PHẠM THỊ THANH XUÂN			V	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10



Mã nhận dạng 03579

Trang 2/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI LẠI

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTĐ (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học Đường lối CM của Đảng CSVN (200104-21)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	10222052	NGUYỄN ĐẠI VŨ	✓			1 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
34	10222053	PHAN THỊ THANH XUÂN	✓			2 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI LẠI

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTĐ (Quản trị kinh doanh Thú Đức)

Môn Học Đường lối CM của Đảng CSVN (200104-21)

CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10222073	TRẦN TUẤN ANH	✓	<i>anh</i>	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10222061	NGUYỄN HOÀNG AN	✓			2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10222071	NGUYỄN HÙNG THIÊN AN	✓			3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10222003	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	✓	<i>ngọc</i>	5	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10222062	VŨ THANH BÌNH	1	<i>huy</i>	5	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10222004	NGUYỄN THÀNH CÁT	✓			6 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10222009	NGUYỄN THU HÀ	✓			7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10222010	TRẦN THỊ LỆ HẠNG	✓			8 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10222012	TRẦN THỊ THÁI HÒA	✓			9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10222014	PHẠM VĨNH HỘI	1	<i>huy</i>	5	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10222015	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	✓			11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10222058	NÔNG TRUNG KIÊN	✓	<i>ngoc</i>	5	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10222016	CAO HỮU NHÂN KIẾT	✓			13 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10222017	NGÔ THỊ NGỌC LAN	1	<i>ngoc</i>	5	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10222019	MÃ THẾ LỢI	✓			15 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10222021	NGUYỄN THỊ MAI	✓			16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10222022	PHẠM ĐỨC MẠNH	✓			17 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10222024	TẠ THỊ NHẬT MINH	1	<i>nhật</i>	5	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10222030	NGUYỄN THỊ OANH	✓			19 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10222032	PHẠM VĂN PHÚC	✓			20 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10222034	DƯƠNG THỊ MINH PHƯƠNG	✓			21 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10222035	PHẠM TRÚC PHƯƠNG	✓			22 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10222036	TRẦN HUY PHƯƠNG	✓			23 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10222043	PHẠM NGUYỄN TOÀN	✓	<i>ngoc</i>	5	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10222059	PHẠM THỊ THUY TRANG	✓			25 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10222045	NGUYỄN HỒ NGỌC TRÂM	1	<i>huy</i>	5	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10222046	TRẦN THỊ BẢO TRẦN	✓			27 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10222060	LƯƠNG HỮU TỬ	✓			28 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10222048	NGUYỄN VĂN TUẤN	✓			29 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10222072	TRƯƠNG VĂN TỬ	1	<i>huy</i>	5	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10222050	HOÀNG MAI VĂN	✓			31 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10222051	LÊ ĐÌNH VŨ	✓			32 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI LẠI

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTDD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học Anh văn 2** (213602-33)

CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10222061	NGUYỄN HOÀNG AN			✓	1 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	10222071	NGUYỄN HÙNG THIÊN AN			✓	2 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	10222062	VŨ THANH BÌNH			6	3 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	10222009	NGUYỄN THU HÀ			✓	4 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	10222010	TRẦN THỊ LỆ HẠNG			✓	5 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	10222012	TRẦN THỊ THÁI HÒA			✓	6 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	10222013	NGUYỄN VĂN HOÀNG			2	7 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	10222015	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG			✓	8 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	10222021	NGUYỄN THỊ MAI			✓	9 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	10222022	PHẠM ĐỨC MẠNH			✓	10 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	10222030	NGUYỄN THỊ GANH			✓	11 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	10222032	PHẠM VĂN PHÚC			✓	12 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	10222034	DƯƠNG THỊ MINH PHƯƠNG			✓	13 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	10222035	PHẠM TRÚC PHƯƠNG			✓	14 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15	10222036	TRẦN HUY PHƯƠNG			✓	15 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	10222059	PHẠM THỊ THUY TRANG			✓	16 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	10222046	TRẦN THỊ BẢO TRẦN			✓	17 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18	10222060	LƯƠNG HỮU TÚ			✓	18 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19	10222048	NGUYỄN VĂN TUẤN			✓	19 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20	10222050	HOÀNG MAI VÂN			✓	20 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21	10222052	NGUYỄN ĐẠI VŨ			✓	21 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22	10222053	PHAN THỊ THANH XUÂN			✓	22 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

23 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
 24 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
 25 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
 26 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
 27 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
 28 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
 29 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
 30 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
 31 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
 32 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI LẠI

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTDD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học

Toán cao cấp C2 (202115-16)

CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10222054	ĐẶNG TRƯỜNG AN	1		5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10222055	LƯƠNG QUỐC ANH	1		5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10222002	NGUYỄN ĐUẬT NGỌC				3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10222061	NGUYỄN HOÀNG AN				4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10222071	NGUYỄN HÙNG THIÊN				5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10222003	NGUYỄN THỊ NGỌC	2		5	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10222004	NGUYỄN THÀNH CÁT				7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10222009	NGUYỄN THỤ HÀ				8 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10222010	TRẦN THỊ LÊ HẠNG				9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10222011	LÂM VĂN HIẾU	2		5	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10222012	TRẦN THỊ THÁI				11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10222013	NGUYỄN VĂN HOÀNG	1		5	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10222015	NGUYỄN THỊ LAN				13 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10222058	NÔNG TRUNG KIẾN	2		5	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10222016	CAO HỮU NHÂN				15 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10222021	NGUYỄN THỊ MAI				16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10222022	PHẠM ĐỨC MẠNH				17 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10222063	LÊ THỊ THUY	2		5	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10222030	NGUYỄN THỊ CẨM				19 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10222032	PHẠM VĂN PHÚC				20 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10222034	DƯƠNG THỊ MINH PHƯƠNG				21 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10222035	PHẠM TRÚC PHƯƠNG				22 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10222036	TRẦN HUY PHƯƠNG				23 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10222068	PHẠM LINH TÂM	1		5	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10222039	NGUYỄN THANH THẢO				25 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10222043	PHẠM NGUYỄN TOÀN	1		5	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10222059	PHẠM THỊ THUY TRANG				27 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10222045	NGUYỄN HỒ NGỌC TRÂM				28 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10222046	TRẦN THỊ BẢO TRẦN				29 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10222069	NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH	1		5	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10222060	LƯƠNG HỮU TÚ				31 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10222048	NGUYỄN VĂN TUẤN				32 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI LẠI

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTĐD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học Toán cao cấp C2 (202115-16)

CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	10222049	MA VĂN TUYÊN	1	Tuyên	5	1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
34	10222072	TRƯƠNG VĂN TỬ	1	Tử	5	2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
35	10222050	HOÀNG MAI VĂN				3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
36	10222051	LÊ ĐÌNH VŨ				4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
37	10222052	NGUYỄN ĐẠI VŨ				5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
38	10222053	PHAN THỊ THANH XUÂN				6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)